TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **96/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 907/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 731/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị My L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị My L kết hôn vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Ly có 01 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 26/06/2017. Ly hôn, anh yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị My L vắng mặt nên không có ý kiến.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Trần Hà M, sinh ngày 26/06/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Nguyễn Thị My L, nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn anh Trần Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị My L kết hôn vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã t, huyện T, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016 ngày 22/7/2016, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Đ trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S thể hiện trong quá trình chung sống giữa anh Đ và chị L có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị My L là có thật. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh Đ và chị L hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn cương quyết xin ly hôn còn chị L vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, chị L có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với anh Đ. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị L có 01 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 26/06/2017. Theo nội dung đơn khởi kiện, anh Đ yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập làm việc đối với chị L để chị L có ý kiến về nội dung khởi kiện của anh Đ, trong đó có vấn đề về con chung, tuy nhiên chị L không đến tòa làm việc và không có ý kiến, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do anh Đ cung cấp cũng như các chứng cứ do tòa án thu thập để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, hiện cháu M đang còn nhỏ và theo anh Đ trình bày thì cháu đang ở cùng với chị L. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Đ, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển tốt cho cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo anh Đ trình bày giữa anh và chị L không có tài sản chung và không có nợ chung, chị L vắng mặt và không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Đ về việc "tranh chấp ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị My L.

Về con chung: Giao con chung Trần Hà M, sinh ngày 26/06/2017 cho chị Nguyễn Thị My L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Trần Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.000.000 (hai triệu) đồng/ tháng.

Anh Trần Văn Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm anh Đ đã nộp tại biên lai thu số 0006452 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (đã nộp xong án phí).

Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị My L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND huyện Long Thành (2)
- UBND xã S (01)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)

``

Nguyễn Hữu Ngọc